

**LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA**

Phân tích động học ngược cho tay máy robot hàn 6 bậc tự do	5	Dương Văn Toàn Ninh Nguyễn Tấn Tại Nguyễn Văn Cường Nguyễn Trọng Các
Điều khiển bền vững thích nghi trên cơ sở mờ Neron điều khiển cho tay máy robot	13	Nguyễn Phương Ty Vũ Thị Yến Nguyễn Thị Thảo Nguyễn Thị Phương
Điều khiển truyền động động cơ không đồng bộ ba pha theo phương pháp tựa theo vectơ từ thông rôto (foc)	20	Phạm Văn Tuấn Hoàng Thị Phượng Đặng Văn Tuệ

**LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC**

Nghiên cứu đặc tính tốc độ của động cơ diesel hiện đại	28	Vũ Thành Trung Ngô Thị Mỹ Bình
Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ đến khả năng hồi phục mòn của phụ gia nano $TiO_2$ trong dầu bôi trơn	34	Nguyễn Đình Cường
Nghiên cứu sự ảnh hưởng của phương pháp lấy mẫu đến chất lượng của phương pháp Monte Carlo	40	Đào Đức Thụ
Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ miết ép đến ứng suất dư của chi tiết máy	45	Nguyễn Văn Hình

**NGÀNH TOÁN HỌC**

Điều kiện đủ tối ưu cho bài toán điều khiển tối ưu của hệ phương trình g-Navier-Stokes hai chiều	51	Nguyễn Viết Tuấn Lưu Trọng Đại Lê Thị Liễu
--	----	--

**NGÀNH KINH TẾ**

Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các công cụ chính sách tiền tệ trong giai đoạn hiện nay	58	Nguyễn Thị Quỳnh Vũ Thị Lý
Nguồn nhân lực Việt Nam - góc nhìn từ thực trạng giáo dục phổ thông	67	Phạm Thị Hồng Hoa Nguyễn Thị Tình

**TẠP CHÍ**  
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**TRONG SỐ NÀY**  
**SỐ 1(76) 2022**

**NGÀNH KINH TẾ**

- Tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp 76 Đinh Thị Kim Thiết
- Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ trồng chè: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam 84 Trần Thị Quý Chinh  
Nguyễn Thị Ngọc Mai

**NGÀNH GIÁO DỤC HỌC**

- Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 92 Vũ Thị Lương  
Trịnh Thị Chuyên

**LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC**

- Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 100 Nguyễn Thị Nhan
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay 106 Phạm Xuân Đức
- Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng - liên hệ trong giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Sao Đỏ 113 Đỗ Thị Thùy  
Đặng Thị Dung
- Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID-19 tại Việt Nam 120 Nguyễn Minh Tuấn  
Phạm Xuân Đức

**TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION**

- |   |    |   |
|---|----|---|
| Inverse kinematics analysis of six degrees of freedom of a welding robot arm        | 5  | Duong Van Toan Ninh<br>Nguyen Tan Tai<br>Nguyen Van Cuong<br>Nguyen Trong Cac |
| Adaptive robust control based on fuzzy neural network control robot manipulator     | 13 | Nguyen Phuong Ty<br>Vu Thi Yen<br>Nguyen Thi Thao<br>Nguyen Thi Phuong        |
| The controlling methods for three-phase asynchronous mô tơ models based on foc roto | 20 | Pham Van Tuan<br>Hoang Thi Phuong<br>Dang Van Tue                             |

**TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING**

- |   |    |                                   |
|---|----|-----------------------------------|
| Research on performance characteristics of modern diesel engine                                   | 28 | Vu Thanh Trung<br>Ngo Thi My Binh |
| Research influence of speed on self-repair of TiO <sub>2</sub> nanoparticles as lubricating       | 34 | Nguyen Dinh Cuong                 |
| Study on the effects of sampling method on the quality of Monte Carlo method                      | 40 | Dao Duc Thu                       |
| Research on the influence of mode oscillating smoothing on the residual stresses of machine parts | 45 | Nguyen Van Hinh                   |

**TITLE FOR MATHEMATICS**

- |  |    |  |
|--|----|--|
| Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g-Navier-Stokes equations | 51 | Nguyen Viet Tuan<br>Luu Trong Dai<br>Le Thi Lieu |
|--|----|--|

**TITLE FOR ECONOMICS**

- |   |    |                                      |
|---|----|--------------------------------------|
| Solutions to improve the effectiveness of monetary policy tools in the current period | 58 | Nguyen Thi Quynh<br>Vu Thi Ly        |
| Vietnam's human resources in terms of achievement in general education                | 67 | Pham Thi Hong Hoa<br>Nguyen Thi Tinh |

**TITLE FOR ECONOMICS**

- The impact of the COVID-19 pandemic on enterprises's business activities and presentation of financial statements 76 Dinh Thi Kim Thiet
- Factors Affecting to Tea-growing Household's Income: A Case Study in Thai Nguyen Province 84 Tran Thi Quy Chinh  
Nguyen Thi Ngoc Mai

**TITLE FOR STUDY OF EDUCATION**

- Applying extracurricular activities in teaching English to improve communication ability for Sao Do University's students 92 Vu Thi Luong  
Trinh Thi Chuyen

**TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE**

- Teaching Marxist-Leninist Philosophy in the context of Industrial Revolution 4.0 100 Nguyen Thi Nhan
- Ho Chi Minh's thought on Party building and the application of the Party Committee of Chi Linh City today 106 Pham Xuan Duc
- Teaching the Marxist-Leninist Philosophy module at Sao Do University on human construction and development in the light of the XIII Party Congress 113 Do Thi Thuy  
Dang Thi Dung
- Impacts of social security policies on labor and employment during the COVID-19 pandemic in Vietnam 120 Nguyen Minh Tuan  
Pham Xuan Duc

# Tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp

## The impact of the COVID-19 pandemic on enterprises' business activities and presentation of financial statements

**Đinh Thị Kim Thiết**

Email: [duongkhanh2010@gmail.com](mailto:duongkhanh2010@gmail.com)

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 27/3/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 28/3/2022

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2022

### Tóm tắt

Đại dịch Corona virus 2019 (COVID-19) đang ảnh hưởng đến mọi vấn đề của đời sống kinh tế xã hội, trong đó có hoạt động kế toán. Sự gián đoạn của hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và sự bất ổn kinh tế gia tăng do COVID-19 ảnh hưởng đến các ước tính kế toán, xác định giá trị hợp lý của tài sản, lợi nhuận tính thuế trong tương lai... Bài viết đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính (BCTC) trên cơ sở thu thập số liệu, phân tích đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến doanh nghiệp (DN) và BCTC, đồng thời đưa ra một số lưu ý cần thiết đối với DN khi trình bày các thông tin trên BCTC.

*Từ khóa: Đại dịch COVID-19; báo cáo tài chính; kế toán.*

### Abstract

Corona virus 2019 pandemic (COVID-19) is affecting all problems of socio-economic life, including accounting activities. Business disruption and increased economic uncertainty caused by COVID-19 affects accounting estimates, determination of fair value of assets, future taxable profits... The article assesses the impact of the COVID-19 pandemic on the presentation of information in the financial statements based on collected data, analyzes the impact of the COVID-19 pandemic on businesses, financial statements and at the same time points out notes to businesses when presenting information on their financial statements.

*Keywords: Pandemic COVID-19; financial statements; accounting.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong năm qua, dịch COVID-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng nên chịu nhiều tác động tiêu cực của dịch bệnh trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các dự báo trước đại dịch cho rằng tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 sẽ lên tới 6,8%, nhưng ngay sau đợt bùng phát dịch thứ nhất từ ngày 23/01/2020 đến ngày 24/7/2020, GDP trong quý II/2020 đã giảm xuống còn 0,36% (một chỉ số tốt trong bối cảnh đại dịch, nhưng lại là mức tồi tệ nhất đối với nền kinh tế Việt Nam hơn 35 năm qua). Sau đợt bùng phát dịch thứ 4, tình hình hoạt động của doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Trong năm 2021, tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường là 159.955 doanh nghiệp (giảm 10,7% so với

năm 2020); trong đó 116.839 doanh nghiệp thành lập mới (giảm 13,4% so với năm 2020) và 43.116 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (giảm 2,2% so với năm 2020). Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn 32,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 51,3% so với cùng kỳ năm trước; 8,9 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 6,3%; gần 3,3 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 9,4%, trong đó có 2,8 nghìn doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, giảm 12,8%; 49 doanh nghiệp có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng, tăng 32,4%. Bình quân một tháng có 22,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Về quy mô của doanh nghiệp, bị ảnh hưởng trên diện rộng, đáng kể nhất là với các doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ [1].

Trong môi trường gia tăng sự không chắc chắn của hoạt động SXKD, người đọc và sử dụng báo cáo tài chính (BCTC) quan tâm đến tác động của dịch COVID-19 tới hoạt động kinh doanh của DN. Ngoài ra, sự bùng phát dịch COVID-19 dẫn đến thay đổi các

Người phản biện: 1. PGS. TS. Trần Văn Thuận

2. PGS. TS. Lê Xuân Đình



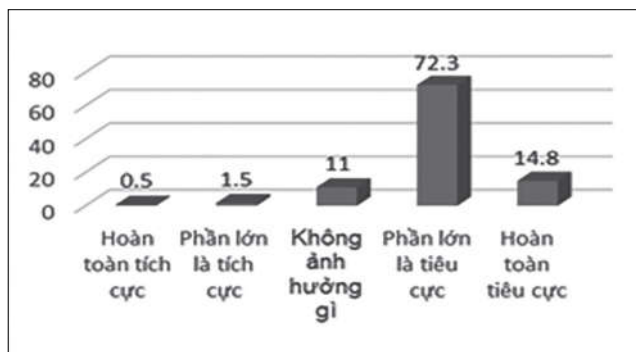
nghĩa vụ hoặc các vấn đề không chắc chắn mà chưa được ghi nhận hay trình bày trong BCTC trước đây [2]. Do vậy, việc trình bày thông tin trên BCTC phải phản ánh được các tác động trọng yếu của dịch COVID-19 đến tài sản cụ thể, nợ phải trả, tính thanh khoản, khả năng thanh toán và hoạt động liên tục; Sự không chắc chắn, các giả định, độ nhạy cảm của kết quả hoạt động SXKD, chiến lược, rủi ro và triển vọng trong tương lai.

## 2. TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử của tất cả các nước kể cả các nền kinh tế lớn, tốc độ tăng trưởng đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch COVID-19.

Ở Việt Nam, đại dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân. Đợt bùng phát dịch lần thứ tư bắt đầu từ cuối tháng 4/2021 đang gây sức ép nặng nề lên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội trong đó có hoạt động SXKD của các doanh nghiệp.

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ khi dịch COVID-19 xuất hiện trong năm 2020 tại Việt Nam đã có tổng cộng 101,7 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước. Trong đó, gồm 46,6 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 62,2%; gần 37,7 nghìn DN ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 13,8%; gần 17,5 nghìn DN hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 3,7%. Như vậy, tính trung bình mỗi tháng có gần 8,5 nghìn DN rút lui khỏi thị trường. Đây là con số chưa từng có trong 10 năm trở lại đây.

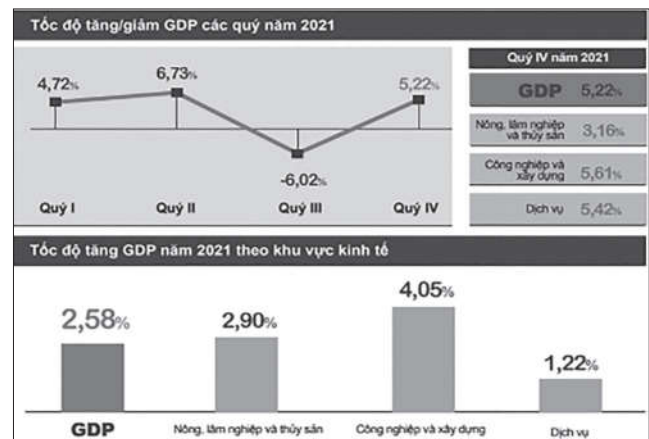


Hình 1. Tác động của dịch bệnh COVID-19 tới DN tư nhân (Nguồn: VCCI)

Kết quả chung cho thấy có tới 87,2% DN cho biết chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực,” trong đó có 72,6% DN cho biết chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 “phần lớn là tiêu cực” và 14,6% lựa chọn mức “hoàn toàn tiêu cực”. Chỉ 11% DN cho biết không bị ảnh hưởng và gần 2% DN cho biết ảnh

hưởng của dịch với DN họ ở mức “phần lớn tích cực” (1,3%) hoặc “hoàn toàn tích cực (0,5%)”. Sự khác biệt giữa các DN tư nhân và DN FDI về ảnh hưởng của dịch COVID-19 là không đáng kể, khi có 87,1% DN tư nhân và 87,9% DN FDI cho biết chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực” bởi dịch COVID-19.

Sau đợt bùng phát thứ 4 của dịch COVID 19, GDP quý III/2021 giảm còn 6,02% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó ngoại trừ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tăng trưởng dương 1,04% nhưng vẫn rất thấp trong 10 năm qua (chỉ cao hơn mức tăng trưởng 0,97% của 9 tháng năm 2016).



Hình 2. Tốc độ tăng/giảm GDP các quý năm 2021

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Khu vực công nghiệp và xây dựng; Khu vực dịch vụ đều giảm GDP lần lượt là 5,02% và 9,28%. Sang quý IV, nền kinh tế có dấu hiệu khởi sắc, GDP quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm 2020, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011 - 2019. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam có sự gia tăng mạnh mẽ và liên tục. Sang năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng nên vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam có sự sụt giảm, chỉ đạt 28,53 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019.

Năm 2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020, song vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2021, ước đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm trước.

Đại dịch COVID-19 bùng phát đã khiến cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ gặp rất nhiều khó khăn, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm, trong khi số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể có xu hướng tăng lên.

Trong năm 2021, có 116.800 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký hơn 1,6 triệu tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 854 nghìn lao động, giảm 13,4% về số doanh nghiệp, giảm 27,9% về vốn đăng ký và giảm 18,1% về số lao động so với năm trước. Trong tháng 02/2022, hoạt động khởi sự kinh doanh diễn ra khá trầm lắng. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 33,6% [6].

Việc DN buộc tạm dừng, chờ phá sản, hoàn tất thủ tục giải thể gia tăng trong thời điểm hiện nay đã phản ánh sự khó khăn của điều kiện sản xuất, kinh doanh và tổng cầu một số ngành đã và đang giảm sâu do tác động của đại dịch COVID-19.

Tình hình hoạt động SXKD của các doanh nghiệp so với năm 2019 (trước đại dịch COVID-19), tại thời điểm

Bảng 1. Tỷ lệ DN chia theo ngành và mức độ thay đổi SXKD đến tháng 6/2021 so với cùng kỳ năm 2019 và năm 2020 (%)

Chỉ tiêu	Công nghiệp	Trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo	Xây dựng	Dịch vụ	Nông lâm ngư nghiệp	Chung
<b>So với năm 2019</b>						
Thu hẹp	40	37,21	54,55	26,92	17,14	31,37
Mở rộng	34,55	34,88	9,09	30,77	62,86	37,91
Không đổi	25,45	27,91	36,36	42,31	20	30,72
<b>So với năm 2020</b>						
Thu hẹp	52,73	51,16	45,45	26,92	40	40,52
Mở rộng	20	18,6	0	19,23	34,29	21,57
Không đổi	27,27	30,23	54,55	53,85	25,71	37,91

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tuy nhiên, so với năm 2020, đến tháng 6/2021 chỉ có 21,6% số DN mở rộng sản xuất, trong khi đó, tỷ lệ DN thu hẹp SXKD là 40,5%, cao gần gấp 2 lần số DN mở rộng sản xuất và gần 38% số DN không thay đổi quy mô sản xuất, cũng cao hơn khi so với năm 2019. Trong đó, tỷ lệ DN phải thu hẹp sản xuất cao nhất là trong các ngành công nghiệp, kể cả công nghiệp chế biến, tương ứng là 52,73% và 51,2% và tăng lên đáng kể khi so sánh với năm 2019 (Bảng 2). Có thể thấy năm 2021 dịch bệnh lan nhanh, tác động mạnh hơn, gây khó khăn nhiều hơn đến hoạt động SXKD của các DN. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư số doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 7/2021 giảm 22,8% so với tháng trước và giảm 33,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 7 tháng đầu năm 2021, có gần 79,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 25,5% so với cùng kỳ năm 2020. So với năm 2020, tình hình thu hẹp sản xuất xảy ra nhiều với các

tháng 6 năm 2021, có 37,9% số DN mở rộng sản xuất, còn lại hơn 62% là giữ nguyên hoặc thu hẹp sản xuất, trong đó 31,4% số DN đã thu hẹp sản xuất (bảng 2). Trong điều kiện bình thường, số DN mở rộng sản xuất thường chiếm tỷ lệ cao áp đảo so với các DN thu hẹp sản xuất và giữ nguyên quy mô. Tỷ lệ DN thu hẹp sản xuất nhiều nhất xảy ra trong ngành xây dựng (54,55%) và công nghiệp (40%), trong đó có công nghiệp chế biến, chế tạo (37,2%). Trong khi số DN phải thu hẹp sản xuất trong ngành xây dựng cao gấp 6 lần số DN mở rộng sản xuất, thì ngược lại, trong ngành nông lâm ngư nghiệp lại có đến 62,9% số DN mở rộng sản xuất, cao hơn 3 lần (17,14%) số DN thu hẹp sản xuất. Tỷ lệ DN mở rộng sản xuất của ngành nông lâm ngư nghiệp cao so với các ngành khác có thể do mức độ ảnh hưởng của đại dịch đến ngành này không lớn như đối với các ngành khác.

nhóm DN vừa và lớn. Trong đó, 52% với nhóm DN có 100-200 lao động; 41,4% với nhóm 200-500 lao động và 33,33% với nhóm từ 500 lao động trở lên. Nhóm các DN tiêu thụ sản phẩm ở các thị trường châu Á và tiêu thụ nội địa có tỷ lệ DN thu hẹp sản xuất cao nhất, tương ứng là 56,25% và 40,82%. Nhiều doanh nghiệp không đáp ứng yêu cầu “3 tại chỗ” của địa phương về phòng chống dịch nên phải đóng cửa. Do thời gian ngừng việc kéo dài, các DN không thể đáp ứng việc hoàn thành đơn hàng đúng thời hạn, sẽ không có thêm hợp đồng mới và khách hàng mới, thậm chí mất cả khách hàng cũ. Việc đứt gãy chuỗi cung ứng, công việc xuất - nhập và giao nhận hàng hóa bị đình trệ do áp dụng các quy định về phòng chống dịch. Đã xảy ra tình trạng thiếu hụt lao động tại một số DN. Đổi mới công nghệ để duy trì sự phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu cũng là mối quan tâm của các doanh nghiệp.

Bảng 2. Tỷ lệ doanh nghiệp chia theo ngành và những khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp đang gặp phải hiện nay (%)

Chỉ tiêu	Công nghiệp	Trong đó CN chế biến, chế tạo	Xây dựng	Dịch vụ	Nông lâm ngư nghiệp	Chung
Đổi mới công nghệ	40	46,51	9,09	13,46	60	33,33
Nhập khẩu nguyên liệu đầu vào	32,73	32,56	18,18	17,31	42,86	28,76
Đảm bảo thị trường xuất khẩu	10,91	11,63	9,09	13,46	20	13,73
Ký kết các hợp đồng cung ứng sản phẩm mới	36,36	37,21	36,36	17,31	17,14	25,49
Thực hiện các hợp đồng đã ký	29,09	20,93	45,45	51,92	11,43	33,99
Đảm bảo khả năng cạnh tranh	70,91	72,09	90,91	75,00	57,14	70,59
Duy trì được SXKD	27,27	34,88	36,36	23,08	37,14	28,76
Tuyển dụng lao động	27,27	27,91	36,36	55,77	37,14	39,87
Giữ được lao động	3,64	2,33	0,0	9,62	2,86	5,23

(Nguồn; Tổng cục thống kê)

Bức tranh về tình hình khó khăn hiện tại của các DN hết sức đa dạng, tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động, quy mô DN hay thị trường tiêu thụ sản phẩm, mà những khó khăn các DN gặp phải có thể khác nhau, cụ thể: Đối với các DN công nghiệp: Khó khăn lớn nhất là “đảm bảo cạnh tranh”, tiếp đến là “đổi mới công nghệ”, “ký kết hợp đồng” và “thực hiện hợp đồng đã ký”; đối với các DN xây dựng: khó khăn lớn nhất là “đảm bảo cạnh tranh”, tiếp đến là “đổi mới công nghệ”, “ký kết hợp đồng” và “duy trì được SXKD”; đối với các DN dịch vụ: khó khăn lớn nhất là “đảm bảo cạnh tranh”, tiếp đến là “thực hiện các hợp đồng đã ký” và “tuyển dụng lao động”; đối với các DN nông lâm ngư nghiệp: khó khăn lớn nhất là “đổi mới công nghệ”; tiếp đến là “nhập khẩu NVL đầu vào”; “duy trì được sản xuất” và “tuyển dụng lao động”.

Tổng cục Thống kê đã tiến hành khảo sát các DN và kết quả cho thấy có tới 85,7% số DN được khảo sát chịu tác động bởi dịch COVID-19. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và lĩnh vực dịch vụ chịu tác động đến 86,1% và 85,9% tổng số DN. Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chịu ảnh hưởng ít hơn với 78,7%.

Ngành Hàng không chịu tác động 100%, dịch vụ lưu trú 97,1%, dịch vụ ăn uống 95,5%, hoạt động của các đại lý du lịch 95,7%, giáo dục đào tạo 93,9%, dệt may, sản xuất da, các sản phẩm từ da, sản xuất các sản phẩm điện tử, sản xuất ô tô đều có tỷ lệ chịu tác động lên tới hơn 90% (Tổng cục Thống kê, 2020).

Dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đến một loạt vấn đề như về chuỗi cung ứng, tiếp cận khách hàng, tới nhân công/người lao động và dòng tiền. Ảnh hưởng của dịch COVID-19 tới các DN là khá đa diện. Đa số DN cho biết dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tới việc tiếp cận khách hàng, tiếp đến là bị ảnh hưởng về dòng tiền

và ảnh hưởng tới vấn đề nhân công/người lao động của DN. Các DN chịu ảnh hưởng mạnh của đại dịch do gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nên DN chịu căng thẳng về dòng tiền. Nhiều DN chỉ quan tâm đến các biện pháp cắt giảm dòng tiền chi ra trong bối cảnh doanh thu hạn chế [7].

Tóm lại, sự tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động SXKD của DN như: Sự tác động đến chuỗi cung ứng, tiếp cận khách hàng, lực lượng lao động, dòng tiền... dẫn đến một loạt các vấn đề tài chính: Nợ phải thu, khấu hao tài sản cố định, giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả, hàng tồn kho, lợi nhuận tính thuế của DN bị ảnh hưởng. Việc trình bày các chỉ tiêu trên BCTC từ đó cũng phải có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể khi có sự tác động của dịch COVID-19.

### 3. TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN VIỆC TRÌNH BÀY CÁC THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các tác động tiềm ẩn của COVID 19 đối với doanh nghiệp bao gồm tác động tức thời ngắn hạn (như đóng cửa DN) đến tác động gián tiếp và lâu dài hơn (như thay đổi mô hình kinh doanh). Đối với các cổ đông và người sử dụng báo cáo tài chính, điều quan trọng là phải hiểu các tác động đến hoạt động kinh doanh và hậu quả của chúng đối với các số liệu tài chính. Bản thuyết minh phải giải thích những ảnh hưởng trọng yếu đến các tài sản và nợ phải trả cụ thể cũng như về khả năng thanh khoản và giả định hoạt động liên tục... Các thông tin trên báo cáo tài chính phải thể hiện được các tác động của COVID 19 và phản ánh được giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả cũng như các căn cứ để thực hiện ước tính kế toán... [3].

Như vậy, COVID 19 đã tác động đến việc trình bày thông tin trên báo cáo tài chính, cụ thể ở các nội dung sau:



### 3.1. Các ước tính kế toán

Do hoàn cảnh thị trường thay đổi vì ảnh hưởng của dịch COVID-19 mang lại, một số ước tính kế toán trước đây không còn phù hợp. Cụ thể, hàng loạt các khó khăn của DN trong SXKD, thậm chí là ngừng sản xuất, phá sản dẫn đến nhiều DN giảm hoặc mất khả năng thanh toán.

Trong điều kiện như vậy, việc ước tính tổn thất tài chính khi phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi, các DN phải thu thập đầy đủ bằng chứng về khách hàng theo luật định, cũng như cân nhắc về mức trích lập dự phòng phù hợp với điều kiện thực tế. Đối với dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, mức trích lập dự phòng phụ thuộc vào sản lượng và doanh thu của sản phẩm tiêu thụ trong kỳ. Trong điều kiện DN chịu tác động tiêu cực do dịch COVID-19 gây ra, sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng của nhiều DN bị giảm sút làm cho mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm cũng thay đổi. Mặt khác, các DN cũng có nhiều chiến lược trong bán hàng nhằm tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm, trong đó có chiến lược về bảo hành sản phẩm. Điều này cũng làm cho mức dự phòng bảo hành sản phẩm thay đổi. Kế toán cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của DN để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Do chưa từng đối mặt với tình huống tương tự trước đây, việc xây dựng các giả định làm cơ sở cho các ước tính kế toán là một thách thức không hề nhỏ đối với các DN.

### 3.2. Việc xác định giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả

Giá trị hợp lý của tài sản (hoặc nợ phải trả) phải phản ánh điều kiện thị trường tại ngày đo lường. Điều này trở nên khó khăn hơn do sự không chắc chắn về tác động kinh tế của COVID-19.

Do tác động của sự gia tăng mức độ không chắc chắn về kinh tế đối với việc dự báo dòng tiền và các yếu tố đầu vào khó quan sát khác được sử dụng trong các kỹ thuật định giá (ví dụ tỷ lệ chiết khấu được điều chỉnh theo rủi ro nhất định). Việc xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như:

- Mức độ hoạt động kinh tế: Các biện pháp được thực hiện để ngăn chặn vi rút có thể dẫn đến giảm đáng kể hoạt động kinh tế về sản xuất và nhu cầu hàng hóa và dịch vụ, thậm chí có thể có tác động tiêu cực đến dự báo dòng tiền trong tương lai được sử dụng trong phương pháp định giá dòng tiền chiết khấu.

- Rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản: Môi trường kinh tế không ổn định đã làm tăng rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản cho nhiều công ty. Do đó, rủi ro tín dụng được sử dụng làm đầu vào cho các kỹ thuật định giá có thể tăng lên.

- Dự báo rủi ro: Các phép đo giá trị hợp lý cần phản ánh sự không chắc chắn trong việc đưa ra các dự báo kinh

tế và tài chính trong thời gian tới, do khó dự báo mức độ và thời gian của tác động kinh tế của COVID-19.

- Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Các công ty có giao dịch mua hoặc bán bằng ngoại tệ đáng kể có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi biến động tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro về giá cả hàng hóa: Các công ty trong các ngành công nghiệp khai thác có thể bị ảnh hưởng đáng kể do giá hàng hóa giảm. Các công ty ở các quốc gia phụ thuộc kinh tế vào các mặt hàng này cũng có thể có nhiều rủi ro về các tác động kinh tế bất lợi hơn. Có thể cần đánh giá quan trọng để định lượng phí bảo hiểm rủi ro và các điều chỉnh khác đối với những rủi ro này [5].

### 3.3. Lợi nhuận tính thuế để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại

COVID-19 có thể ảnh hưởng đến dự đoán lợi nhuận chịu thuế trong tương lai được sử dụng để đánh giá khả năng thu hồi của tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Trong trường hợp hiện tại, dự đoán lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của một công ty có thể bị ảnh hưởng bởi:

- Thay đổi trong dòng tiền dự báo. Ví dụ: Dự kiến giảm giá sản xuất hoặc bán hàng so với tăng chi phí;

- Những thay đổi trong chiến lược thuế của một công ty. Chẳng hạn, DN sẽ điều chỉnh các chính sách kế toán như thời gian, phương pháp trích khấu hao, chuyển lỗ của các năm trước, trích trước chi phí... nhằm hoãn lại các khoản thuế phải nộp trong năm;

- Những thay đổi về cơ bản được ban hành đối với luật thuế thu nhập được áp dụng như một phần trong các biện pháp của Chính phủ để ứng phó với COVID-19. Ví dụ: giảm thuế đối với một số loại thu nhập, khấu trừ thuế bổ sung, giảm thuế suất hoặc kéo dài thời gian để sử dụng các khoản lỗ thuế được chuyển sang. Một số thay đổi này có thể làm giảm lợi nhuận chịu thuế trong tương lai, trong khi những thay đổi khác có thể làm tăng chúng.

### 3.4. Hàng tồn kho

Sự bùng phát COVID-19 có thể ảnh hưởng đến giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính theo một số cách:

- Giá bán dự kiến có thể dao động do nhu cầu của khách hàng thay đổi.

- Chi phí ước tính để hoàn thành có thể thay đổi do chi phí nguyên vật liệu hoặc nhân công tăng.

Việc giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho bị ảnh hưởng làm mức trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thay đổi, dẫn đến các chỉ tiêu về dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá vốn, lợi nhuận, chi phí thuế thu nhập DN có thể bị ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của BCTC.

### 3.5. Giả định hoạt động liên tục

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 - Chuẩn mực chung có quy định BCTC phải được lập trên cơ sở giả định là DN đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Nghĩa là DN không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Với tình hình dịch bệnh COVID-19 như hiện nay, nhiều DN đứng trước nguy cơ giải thể hoặc phải dừng hoạt động một số lĩnh vực dẫn đến BCTC phải được lập trên một cơ sở thay thế (ví dụ, cơ sở giá thanh lý hoặc giá thực tế có thể thực hiện).

## 4. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Thứ nhất:* Các phán đoán và ước tính trọng yếu.

Theo nguyên tắc “Thận trọng”, trong BCTC DN cần xác định chính xác các ước tính kế toán và những giả định sẽ được áp dụng để lập BCTC.

Khi báo cáo trong những thời điểm không chắc chắn, điều đặc biệt quan trọng là phải cung cấp cho người sử dụng BCTC thông tin chi tiết thích hợp về khả năng phục hồi của đơn vị khi đối mặt với sự không chắc chắn hiện tại và để hiểu các giả định và phán đoán chính được đưa ra khi chuẩn bị thông tin tài chính.

Các phán đoán và giả định liên quan có thể bao gồm:

- Sự sẵn có và mức độ hỗ trợ thông qua các biện pháp hỗ trợ của Nhà nước đã được công bố;
- Tính sẵn có, giá trị và thời gian lưu chuyển của các nguồn tiền mặt, bao gồm cả việc tuân thủ các giao ước ngân hàng hoặc sự tin tưởng vào các giao ước đó được từ bỏ;
- Thời hạn của các biện pháp tạo khoảng cách xã hội và các tác động tiềm tàng của chúng.

*Thứ hai:* Những vấn đề liên quan đến hàng tồn kho.

Hiện nhiều DN đang bị gián đoạn chuỗi cung ứng. Do đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của DN. Việc cung cấp đầu vào cho sản xuất bị gián đoạn, chi phí vận chuyển, lưu kho, lưu bãi làm cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào thay đổi và khó dự đoán. Các chi phí ước tính và xác định giá trị thuần của hàng tồn kho thay đổi ảnh hưởng tới việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của DN.

Ngoài ra, các DN bất động sản có thể bị ảnh hưởng bởi giá bất động sản giảm do kinh tế suy giảm; các DN có hàng tồn kho theo mùa vụ và các sản phẩm dễ hỏng có thể gặp rủi ro do hư hỏng, lỗi thời và suy giảm giá trị.

Do đó, DN cần đánh giá sự suy giảm giá trị của hàng tồn kho tại ngày lập BCTC theo các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 2 - Hàng tồn kho.

Việc xác định giá trị có thể thực hiện được trong điều kiện thị trường có nhiều biến động với các lý do không chắc chắn bởi dịch COVID-19 là một thách thức mà DN cần phải cân nhắc.

Ngoài ra, với những tháng sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường (ví dụ, do ngừng sản xuất tạm thời), DN phải xác định chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho một đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường.

Khoản chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ nên được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ [2].

Định giá hàng tồn kho tuân theo IAS 2 Hàng tồn kho và hàng tồn kho được đo lường theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Trong môi trường hiện tại, việc tính toán giá trị thuần có thể thực hiện được có thể sẽ yêu cầu các phương pháp hoặc giả định chi tiết hơn, ví dụ: Các công ty có thể cần phải ghi giảm kho do lượng hàng bán ra ít hơn. Các khoản lỗ do tổn thất hàng tồn kho tạm thời phải được phản ánh trong khoảng thời gian mà chúng xảy ra với các khoản thu hồi tiếp theo được ghi nhận là lãi trong các kỳ tương lai.

*Thứ ba:* Xem xét giả định về hoạt động liên tục khi lập BCTC COVID-19 đang làm gián đoạn hoạt động của nhiều DN. Các tổ chức sẽ cần phải xem xét liệu sự gián đoạn đó có kéo dài và dẫn đến giảm nhu cầu đối với các sản phẩm hoặc dịch vụ hoặc thiếu hụt thanh khoản đáng kể (hoặc cả hai) khiến ban quản lý phải đánh giá liệu đơn vị có thể tiếp tục hoạt động liên tục trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày báo cáo hay không.

BCTC được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi Ban Giám đốc có ý định thanh lý đơn vị hoặc ngừng kinh doanh, hoặc không có sự thay thế thực tế nào khác ngoài việc làm như vậy. Khi thực hiện đánh giá, nếu Ban Giám đốc nhận thức được các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến các sự kiện hoặc điều kiện có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị, đơn vị phải chỉ ra được những vấn đề không chắc chắn.

Trong tình hình hiện tại, việc đánh giá càng trở nên khó khăn do không chắc chắn về tác động của đại dịch COVID-19, mức độ và thời hạn của các biện pháp ngăn cách xã hội có hiệu lực ở nhiều quốc gia và tác động đến nền kinh tế. Ban quản lý nên xem xét tác động của những vấn đề này đến hoàn cảnh cụ thể của đơn vị, cụ thể là các nguồn tiền mặt hiện tại và tiềm năng bao gồm khả năng tiếp cận và các nguồn tài chính mới, và các thỏa thuận. Việc đánh giá xem cơ sở

hoạt động liên tục có phù hợp hay không có tính đến các sự kiện sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

Khi thực hiện đánh giá này, ban giám đốc sẽ cần phải tính đến tất cả các thông tin có sẵn, như: các thông báo của Nhà nước ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của một tổ chức và bất kỳ chương trình hỗ trợ nào của Nhà nước mà tổ chức đó có thể được phép tham gia. Khi Ban Giám đốc nhận thức được những bất ổn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị cần phải trình bày đầy đủ trong BCTC.

Trường hợp DN không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, DN phải phân loại, đánh giá lại tài sản và các khoản nợ phải trả và ghi nhận vào sổ kế toán theo giá đánh giá lại trước khi lập BCTC. Một số phương pháp kế toán không còn phù hợp và phải điều chỉnh như phương pháp trích lập dự phòng hoặc đánh giá tổn thất tài sản được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản thay vì trích lập dự phòng. Việc tính khấu hao hoặc ghi nhận tổn thất của TSCĐ được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản, không sử dụng tài khoản 214 để phản ánh hao mòn lũy kế. DN phải thực hiện trích trước vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh đối với các khoản lỗ dự kiến phát sinh trong tương lai nếu khả năng lỗ là tương đối chắc chắn và giá trị khoản lỗ được xác định một cách đáng tin cậy... DN phải thuyết minh chi tiết về khả năng tạo tiền và thanh toán nợ phải trả, vốn chủ sở hữu cho các cổ đông...

*Thứ tư:* Đánh giá suy giảm giá trị tài sản của DN.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập diễn ra mạnh mẽ, ngoài việc lập BCTC theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nhiều DN đã lập BCTC theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS).

Với tình hình dịch bệnh tác động bất lợi đến các DN như đóng cửa nhà máy, tạm dừng sản xuất, hạn chế đi lại và xuất - nhập khẩu, có thể được coi là những dấu hiệu của sự suy giảm giá trị tài sản.

Chính vì vậy, DN phải đặc biệt lưu tâm và tiến hành xác định giá trị có thể thu hồi của tài sản để bảo đảm rằng tài sản được ghi nhận trên BCTC không cao hơn giá trị có thể thu hồi.

Việc xác định giá trị thu hồi của tài sản đòi hỏi DN phải có ước tính về dòng tiền tương lai từ việc sử dụng tài sản đó và các nhân tố khác.

Thách thức đặt ra là liệu dự báo dòng tiền tương lai có chính xác hay không. Môi trường kinh doanh càng bất định, cơ sở hình thành nên các giả định và ảnh hưởng có thể có khi thay đổi các giả định quan trọng càng cần được thuyết minh chi tiết trong BCTC.

Các DN cần tiếp tục theo dõi các diễn biến của dịch

COVID-19 và xác định ảnh hưởng tới tình hình tài chính và khả năng hoạt động hiệu quả của DN, từ đó đưa ra các biện pháp cũng như các quyết định để quản lý rủi ro [2].

*Thứ năm:* Xác định chỉ tiêu thuế thu nhập DN.

Khi xác định về lợi nhuận chịu thuế trong tương lai cho mục đích ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, công ty cần phản ánh các kỳ vọng tại ngày báo cáo và sử dụng các giả định phù hợp. Nếu ngưỡng ghi nhận được đáp ứng, thì công ty ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và đo lường nó bằng cách sử dụng thuế suất dự kiến áp dụng khi tài sản cơ sở được thu hồi dựa trên thuế suất đã ban hành tại ngày báo cáo (tương tự như thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thuế hiện hành). Khi trình bày chỉ tiêu thuế thu nhập DN trên BCTC DN cần lưu ý các vấn đề sau:

- DN cần xem xét các hành động của Chính phủ và liệu có bất kỳ khoản giảm thuế thu nhập nào không.

- Xác định xem có sự thay đổi cơ bản nào đã được ban hành trong luật thuế thu nhập hay không; nếu có, thì nó có thể ảnh hưởng đến việc ghi nhận và đo lường tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

- Xác định xem có ý định hồi hương hoặc phân phối lợi nhuận của công ty con hay không, vì điều này sẽ dẫn đến việc ghi nhận nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại.

- Xem xét các điều kiện kinh tế hiện tại có thể ảnh hưởng như thế nào đến các chiến lược và kế hoạch thuế của công ty.

- Xem xét liệu có bất kỳ sự không chắc chắn nào về các biện pháp xử lý thuế thu nhập hay không.

- Cập nhật các dự báo về việc hoàn nhập các chênh lệch tạm thời chịu thuế và các khoản lợi nhuận chịu thuế khác trong tương lai, đảm bảo rằng các giả định phù hợp với các giả định được sử dụng cho các đánh giá khả năng thu hồi khác.

- Cung cấp công bố rõ ràng và minh bạch về các xét đoán và ước tính được thực hiện trong việc ghi nhận và đo lường tài sản thuế thu nhập hoãn lại [5].

*Thứ sáu:* Các sự kiện sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

Dịch COVID-19 có tác động lan tỏa đến nhiều các ước tính trong BCTC có thể gây khó khăn cho việc xác định liệu các điều kiện đó có "tồn tại" tại ngày lập báo cáo hay không.

Tác động đầy đủ của đại dịch COVID-19 đối với hoạt động kinh tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn vẫn chưa được biết rõ, và sự phát triển đang xảy ra thường xuyên. Tuy nhiên, COVID-19 sẽ là một yếu tố trong phân tích của một đơn vị về các ước tính được thực hiện khi chuẩn bị các BCTC, bao gồm các báo cáo liên quan đến tổn thất tín dụng dự kiến đối với các khoản

